

Số: 35/KL-TTr

Cao Bằng, ngày 06 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực hộ tịch, chứng thực tại Phòng Tư pháp huyện Quảng Hoà tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2024 của tỉnh Cao Bằng, Chánh thanh tra Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-TTr ngày 19/6/2024 về việc Thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực hộ tịch, chứng thực trực tiếp tại Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân (UBND) một số đơn vị cấp xã trên địa bàn huyện Quảng Hoà (sau đây gọi tắt là Đoàn thanh tra theo Quyết định số 23/QĐ-TTr). Từ ngày 09/7/2024 đến ngày 28/7/2024 Đoàn thanh tra theo Quyết định số 23/QĐ-TTr đã tiến hành thanh tra công tác hộ tịch, chứng thực tại phòng Tư pháp huyện Quảng Hoà (thời kỳ thanh tra từ 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023).

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 33/BC-ĐTTr ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Huyện Quảng Hoà nằm ở phía Đông tỉnh Cao Bằng, trung tâm huyện cách thành phố Cao Bằng 37 km với diện tích tự nhiên là 668,95 km²; có 22.707 km đường biên giới tiếp giáp huyện Long Châu, tỉnh Quảng Tây Trung Quốc; huyện có 16 xã và 03 thị trấn với tổng số dân là 66.620 người gồm 05 dân tộc chính là Tày, Nùng, Kinh, Mông, Hoa cùng sinh sống, trình độ dân trí trên địa bàn không đồng đều.

Phòng Tư pháp huyện Quảng Hoà là cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện có chức năng tham mưu giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải ở cơ sở; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật. Hiện nay Phòng phụ trách thực hiện 34 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền (trong đó: lĩnh vực hộ tịch 17 thủ tục; lĩnh vực chứng thực 12 thủ tục; bồi thường nhà nước 02 thủ tục; phổ biến, giáo dục pháp luật 02 thủ tục; hòa giải ở cơ sở 01 thủ tục).

Về cơ cấu tổ chức, biên chế của Phòng Tư pháp hiện Quảng Hoà hiện nay phòng có 04 công chức/04 biên chế được giao (gồm 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và 02 chuyên viên), các công chức đều có trình độ đại học, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

II. NỘI DUNG THANH TRA

1. Kết quả thực hiện công tác hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành trên địa bàn đơn vị được thanh tra

- Việc thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký các loại việc hộ tịch tại đơn vị được thanh tra (tổng số hồ sơ tiếp nhận, tổng số hồ sơ đã giải quyết, hồ sơ từ chối giải quyết theo từng loại việc¹).

- Việc sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch, lưu giấy tờ, hồ sơ các loại việc hộ tịch.
- Việc thu lệ phí đăng ký hộ tịch tại đơn vị đối với từng loại việc hộ tịch.
- Việc thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

2. Kết quả thực hiện công tác chứng thực

- Tình hình thực hiện chứng thực tại đơn vị được thanh tra: chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản, do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ trong các giấy tờ, văn bản; chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản; chứng thực văn bản thoả thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản; chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến việc thực hiện các quyền của của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai (quy trình thủ tục chứng thực; tổng số hồ sơ tiếp nhận; tổng số hồ sơ đã giải quyết; tài liệu, giấy tờ kèm theo hồ sơ; tổng số hồ sơ đã từ chối giải quyết theo từng loại việc chứng thực).

- Tình hình thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực tại đơn vị được thanh tra.

- Việc lưu hồ sơ chứng thực, sổ theo dõi chứng thực.
- Việc triển khai phần mềm chứng thực tại đơn vị.

3. Việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực chứng thực, hộ tịch, công khai về lệ phí đăng ký hộ tịch, phí chứng thực

- Việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực hộ tịch, chứng thực tại đơn vị;

- Việc thực hiện công khai về lệ phí đăng ký hộ tịch, phí chứng thực tại đơn vị.

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

¹Đúng hạn, quá hạn, đăng ký lại

Trên cơ sở xem xét nội dung tại Báo cáo số 89/BC-TP ngày 03/7/2024 của Phòng Tư pháp huyện Quảng Hòa về kết quả công tác hộ tịch, chứng thực đối chiếu với kết quả kiểm tra các hồ sơ, tài liệu mà đơn vị cung cấp (theo thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023) kết quả cụ thể như sau:

1. Việc thực hiện công tác đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành

1.1. Kết quả thực hiện các loại việc hộ tịch; việc thu lệ phí đăng ký hộ tịch

- Trong thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023) Phòng Tư pháp huyện Quảng Hòa đã tiếp nhận và trình lãnh đạo UBND huyện giải quyết đăng ký các loại việc hộ tịch, trong đó:

- + Đăng ký khai sinh: 02 trường hợp;
- + Đăng ký kết hôn: 06 trường hợp;
- + Đăng ký nhận cha, con: 01 trường hợp;
- + Đăng ký cải chính hộ tịch: 38 trường hợp;
- + Đăng ký xác định lại dân tộc: 07 trường hợp;
- + Cấp bản sao trích lục hộ tịch 13 bản.

- Việc thu lệ phí đăng ký hộ tịch: trong năm 2023 đơn vị đã thu được 8.594.000 đồng (trong đó: đăng ký khai sinh 150.000 đồng; đăng ký kết hôn 6.750.000 đồng; đăng ký nhận cha, mẹ, con 750.000 đồng; đăng ký cải chính hộ tịch 714.000 đồng; đăng ký xác định lại dân tộc 126.000 đồng; cấp bản sao trích lục hộ tịch: 104.000 đồng).

1.2. Kết quả kiểm tra việc thực hiện trình tự thủ tục đăng ký các loại việc hộ tịch; sử dụng mẫu sổ từng loại việc hộ tịch; thu, nộp lệ phí từng loại việc hộ tịch

Về cơ bản đơn vị thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các việc hộ tịch, sử dụng mẫu sổ các loại việc hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 123/2015/NĐ-CP) và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP (Sau đây gọi tắt là Thông tư 04/2020/TT-BTP). Việc thu lệ phí hộ tịch được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND) và Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định mức giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND). Kết quả cụ thể như sau:

a) Hồ sơ đăng ký khai sinh

- Về tiếp nhận hồ sơ: qua kiểm tra 02 hồ sơ liên quan đến khai sinh thuộc thẩm quyền của Phòng Tư pháp, đơn vị thực hiện tương đối đầy đủ theo quy định, tuy nhiên trong quá trình tiếp nhận giấy tờ do người yêu cầu xuất trình, người tiếp nhận chưa thực hiện xác nhận việc kiểm tra, đối chiếu với bản chính theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Việc sử dụng Sổ đăng ký khai sinh (đơn vị lập 01 sổ, Quyển số 01/2022) đúng theo mẫu quy định, ghi chép rõ ràng, sạch sẽ, đóng dấu giáp lai giữa các trang, hết năm thực hiện khoá sổ đúng theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Về thu lệ phí: Thực hiện đúng theo quy định của Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND (02 trường hợp số tiền thu, nộp là 150.000 đồng).

b) Hồ sơ đăng ký kết hôn

Trong thời kỳ thanh tra đơn vị thực hiện việc đăng ký kết hôn 06 trường hợp, các hồ sơ được lưu đầy đủ đúng quy định.

Qua kiểm tra các hồ sơ đăng ký kết hôn đều thực hiện đúng theo quy định của Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Việc sử dụng Sổ đăng ký kết hôn (đơn vị lập 01 sổ, Quyển số 01/2022): thực hiện đúng mẫu theo quy định, ghi chép rõ ràng, sạch sẽ, đóng dấu giáp lai giữa các trang, hết năm thực hiện khoá sổ đúng theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Về thu lệ phí: Thực hiện đúng (06 trường hợp: 6.750.000 đồng) theo quy định của Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND.

c) Hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con

Trong thời kỳ thanh tra đơn vị thực hiện 01 trường hợp, hồ sơ được lưu đầy đủ đúng quy định, cụ thể:

- Về thực hiện trình tự, thủ tục hồ sơ: qua kiểm hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con đều thực hiện đúng theo quy định của Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Việc sử dụng Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con: theo mẫu quy định, ghi chép rõ ràng, sạch sẽ đóng dấu giáp lai giữa các trang, hết năm có thực hiện khoá sổ đúng theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Về thu lệ phí: Thực hiện đúng (01 trường hợp: 750.000 đồng) theo quy định của Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND.

d) Hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc

Trong thời kỳ thanh tra đơn vị thực hiện 45 trường hợp (trong đó đăng ký cải chính hộ tịch 38, xác định lại dân tộc 07) các hồ sơ được lưu đầy đủ đúng quy định, kết quả kiểm tra cụ thể các hồ sơ:

- Về thực hiện trình tự, thủ tục hồ sơ: qua kiểm tra các hồ sơ ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc được thực hiện đúng theo quy định của Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Việc sử dụng Sổ (đơn vị lập 01 sổ, Quyển số 01): sử dụng theo đúng mẫu quy định, ghi chép rõ ràng, đóng dấu giáp lai giữa các trang, hết năm có thực hiện khoá sổ đúng theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Về thu lệ phí: Thực hiện đúng theo quy định của Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND (45 trường hợp số tiền thu là 840.000 đồng).

đ) Hồ sơ cấp bản sao trích lục hộ tịch

Trong thời kỳ thanh tra đơn vị thực hiện cấp bản sao trích lục hộ tịch là 13 bản.

- Việc sử dụng Sổ: đơn vị sử dụng theo đúng mẫu quy định, ghi chép rõ ràng, sạch sẽ, đóng dấu giáp lai giữa các trang, hết năm thực hiện việc khoá sổ đúng theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020.

- Về thu lệ phí: Thực hiện đúng theo quy định của Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND (13 bản tổng số tiền thu là 104.000 đồng).

2. Việc thực hiện công tác chứng thực

2.1 Kết quả thực hiện công tác chứng thực tại đơn vị

Kết quả thực hiện các việc chứng thực trong thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023) cụ thể như sau:

- Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản, do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận: 575 việc.

- Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản: 01 việc.

- Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản; chứng thực văn bản thoả thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản; chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai: không phát sinh.

2.2. Việc lập, ghi chép sổ chứng thực bản sao từ bản chính, sổ chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ

Trong thời kỳ thanh tra, đơn vị đã lập 02 sổ chứng thực gồm: 01 sổ chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ; 01 sổ chứng thực bản sao từ bản chính.

* Sổ chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ: Sổ số 01/2023/SCT-CK,ĐC: đơn vị tự in sổ có đầy đủ thông tin theo mẫu sổ chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2025 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (sau đây gọi tắt là Nghị định số 23/2015/NĐ-CP) và mẫu sổ ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; sổ được ghi chép đầy đủ thông tin theo hướng dẫn ghi sổ, có

ngày mở sổ và thống kê việc chứng thực đã thực hiện trong năm, có đóng dấu giáp lai theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/03/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ gốc gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch (sau đây gọi tắt là Thông tư số 01/2020/TT-BTP).

* Sổ chứng thực bản sao từ bản chính: Sổ số 01/2023/SCT-BS

- Việc lập sổ: đơn vị sử dụng sổ tự in có đầy đủ thông tin theo mẫu sổ chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP và mẫu sổ ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; có ngày mở sổ, khoá sổ và thống kê tổng số việc chứng thực đã thực hiện trong năm theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Tuy nhiên, sổ chưa đóng dấu giáp lai theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Việc ghi thông tin trong sổ:

+ Tại trang số 23: ghi sai thông tin tại cột họ tên, chức danh người ký chứng thực và cột số bản sao được chứng thực từ số 241-250; ghi thiếu thông tin tại cột phí chứng thực từ số 241-250.

+ Tại trang số 38: ghi sai thông tin tại cột số bản sao được chứng thực và cột phí chứng thực từ số 461-470.

+ Tại trang số 48: ghi thiếu thông tin phí chứng thực tại các số thứ tự 561,562,563.

2.3. Việc thu, nộp, quản lý phí chứng thực

Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, đơn vị đã thực hiện 576 việc, thu phí 3.381.000 đồng.

Việc thu phí chứng thực được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 226/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực (Thông tư số 226/TT-BTC).

Việc quản lý và nộp phí chứng thực: đơn vị đã quản lý và nộp đầy đủ số phí chứng thực vào ngân sách nhà nước theo chứng từ nộp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Quảng Hòa.

2.4. Kết quả kiểm tra việc triển khai, sử dụng phần mềm chứng thực tại đơn vị

Phòng Tư pháp đã tham mưu UBND huyện triển khai, phổ biến về thủ tục chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đến các cơ quan, đơn vị; yêu cầu các xã, thị trấn thông tin về thủ tục chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đến người dân². Tuy nhiên, do người dân ko có nhu cầu nên trong năm 2023 không phát sinh hồ sơ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

² Công văn số 1571/UBND-TP ngày 06/12/2022 của UBND huyện Quảng Hòa về việc đôn đốc đẩy mạnh dịch vụ công chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực chứng thực, hộ tịch, công khai về lệ phí đăng ký hộ tịch, phí chứng thực

Đơn vị đã niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính (lĩnh vực hộ tịch 17 thủ tục, lĩnh vực chứng thực 12 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết và các văn bản quy định về mức thu phí chứng thực, lệ phí hộ tịch trong từng lĩnh vực đầy đủ tại bảng niêm yết các thủ tục hành chính và tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hành chính của UBND huyện.

IV. ĐÁNH GIÁ, KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ THANH TRA

1. Ưu điểm

Về cơ bản Phòng Tư pháp huyện Quảng Hòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình tiếp nhận và giải quyết các loại việc hộ tịch thuộc thẩm quyền theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Thông tư số 04/2020/TT-BTP; việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản, do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản được thực hiện đúng theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Sử dụng đúng mẫu sổ, ghi chép sổ hộ tịch rõ ràng, sạch sẽ đóng dấu giáp lai giữa các trang, hết năm có thực hiện khoá sổ theo đúng quy định; việc lập, quản lý, ghi chép sổ chứng thực (sổ chứng thực bản sao từ bản chính, sổ chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ) ghi chép đầy đủ thông tin theo hướng dẫn ghi sổ, có ngày mở sổ và thống kê việc chứng thực đã thực hiện trong năm, có đóng dấu giáp lai theo quy định, áp dụng đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ (mẫu lời chứng, trình tự thủ tục chứng thực); thực hiện đúng quy định về mức thu và cách tính phí lệ phí hộ tịch, phí chứng thực, việc quản lý và nộp đầy đủ số phí chứng thực đã thu; niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và các văn bản quy định về mức thu phí, lệ phí trong từng lĩnh vực đầy đủ tại bảng niêm yết các thủ tục hành chính và tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của công tác hộ tịch, chứng thực theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện các quyền về nhân thân và các quyền trong giao dịch dân sự, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát huy được vai trò công tác Tư pháp góp phần vào quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tồn tại, thiếu sót

Qua kiểm tra 02 hồ sơ liên quan đến khai sinh thuộc thẩm quyền của Phòng Tư pháp: trong quá trình tiếp nhận giấy tờ do người yêu cầu xuất trình, người tiếp nhận hồ sơ chưa thực hiện xác nhận việc kiểm tra, đối chiếu với bản chính theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành; trên cơ sở kết quả thanh tra, Chánh thanh tra Sở Tư pháp kiến nghị một số nội dung sau:

1. Đối với UBND huyện Quảng Hoà

- Chỉ đạo Phòng Tư pháp huyện Quảng Hoà tiếp tục thực hiện đúng quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp, Thông tư số 226/2016/TT-BTC, Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND và các văn bản có liên quan về công tác hộ tịch, chứng thực, đặc biệt là việc thu lệ phí hộ tịch, trình tự thủ tục thực hiện các loại việc hộ tịch, việc chứng thực theo thẩm quyền quy định; khắc phục thiếu sót, hạn chế mà Đoàn thanh tra đã chỉ ra trong kết luận thanh tra.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện công tác hộ tịch, chứng thực tại UBND cấp xã trên địa bàn để kịp thời hướng dẫn, chỉ đạo cơ sở, góp phần hạn chế sai sót trong quá trình thực hiện.

2. Đối với Phòng Tư pháp huyện Quảng Hoà

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp, Thông tư số 226/2016/TT-BTC, Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND và các văn bản có liên quan về công tác hộ tịch, chứng thực.

- Tiếp tục phát huy ưu điểm, kết quả đã đạt được; rút kinh nghiệm với sai sót đã nêu ở nội dung Kết luận thanh tra và đề nghị Phòng Tư pháp chỉ đạo công chức tiếp nhận hồ sơ thực hiện việc rà soát lại 02 hồ sơ đăng ký khai sinh, thực hiện ký xác nhận việc kiểm tra, đối chiếu với bản chính theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- Niêm yết Kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của đơn vị; thời gian niêm yết ít nhất 15 ngày liên tục.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra bằng văn bản kèm tài liệu minh chứng gửi về Thanh tra Sở Tư pháp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra.

3. Yêu cầu công chức làm công tác hộ tịch, chứng thực Phòng Tư pháp huyện Quảng Hoà thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Hộ tịch năm 2024; Thông tư số 04/2020/TT-BTP và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 01/2020/TT-BTP, Thông tư số 226/2016/TT-BTC, Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 89/2022/NQ-HĐND và các văn bản có liên quan về công tác hộ tịch, chứng thực.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thanh tra Sở theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra.

2. Chánh thanh tra Sở kiến nghị Giám đốc Sở chỉ đạo việc thực hiện nội dung của Kết luận thanh tra; báo cáo Giám đốc Sở về kết quả thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định.

Trên đây là Kết luận thanh tra về công tác hộ tịch, chứng thực tại Phòng Tư pháp huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng, đề nghị đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ Tư pháp (để bc);
- Thanh tra tỉnh (để bc);
- Lãnh đạo Sở Tư pháp (để bc);
- UBND huyện Quảng Hoà;
- Phòng Tư pháp huyện Quảng Hoà;
- Thanh tra Sở; Phòng HCTP& BTTP;
- Thành viên Đoàn thanh tra;
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: HSTTr.



Đỗ Ngọc Mẫn